TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 8 - 2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Hàng Bích Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị R; Sinh năm: 1995 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Đỗ Đức TT; Sinh năm: 1989 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Đường D, khóm E, phường F, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, bà Lương Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lương Thị R và ông Đỗ Đức TT tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân xin ly hôn do bất đồng quan điểm sống, ông TT không chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, ông TT và bà R đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, cả hai không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Bà R xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông TT.

Về nuôi con chung: Bà Lương Thị R và ông Đỗ Đức TT có 02 người con chung tên Đỗ Như Th, sinh ngày 21/3/2014 và Đỗ Đức Tr sinh ngày 30/8/2017, hiện đang sống chung với bà R. Khi ly hôn bà R yêu cầu được quyền nuôi hai con, không yêu cầu ông TT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà R xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà R xác định vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ lại.

Theo đơn biên bản làm việc ngày 14/7/2023, ông Đỗ Dức TT trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Đức TT xác định về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như bà R trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn về phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cải vã, ông TT và bà R đã ly thân không còn sống chung, ông TT đồng ý ly hôn với bà R.

- Về con chung: Bà Lương Thị R và ông Đỗ Đức TT có 02 người con chung tên Đỗ Như Th, sinh ngày 21/3/2014 và Đỗ Đức Tr sinh ngày 30/8/2017, hiện đang sống chung với bà R. Khi ly hôn bà R yêu cầu được quyền nuôi con thì ông TT đồng ý, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông TT xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông TT xác định vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ được quy định trong pháp luật trong tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị R về việc xin ly hôn ông ông Đỗ Đức TT. Giao 02 người con chung tên Đỗ Như Th, sinh ngày 21/3/2014 và Đỗ Đức Tr sinh ngày 30/8/2017 cho bà Lương Thị R trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Đỗ Đức TT yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Lương Thị R và ông Đỗ Đức TT tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà R và ông TT xác định: Do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài trầm TT không thể hàn gắn, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên

ông TT và bà R đã ly thân từ năm 2020 đến nay không còn sống chung. Bà R xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông TT. Về phía ông TT đồng ý ly hôn với bà R. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà R và ông TT không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R được ly hôn với ông TT.

[3] *Về nuôi con chung*: Bà Lương Thị R và ông Đỗ Đức TT có 02 người con chung tên Đỗ Như Th, sinh ngày 21/3/2014 và Đỗ Đức Tr sinh ngày 30/8/2017, hiện đang sống chung với bà R. Khi ly hôn bà R yêu cầu được quyền nuôi cả hai con chung và ông TT đồng ý giao cả hai con chung cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai con chung hiện đang sống với bà R, hiện nay ông TT đang bị tạm giam nên giao cả hai con chung cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông TT không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà R và ông TT xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà R phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị R về việc xin ly hôn ông ông Đỗ Đức TT.

- Về con chung: Giao hai người con chung tên Đỗ Như Th, sinh ngày 21/3/2014 và Đỗ Đức Tr sinh ngày 30/8/2017 cho bà Lương Thị R trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông TT không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị R phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/6/2023, bà Lương Thị R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002346 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển nộp ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm